

mẹ. Thiên Yana nghĩa là Mẹ Trời, là vị thần trong thần thoại của cộng đồng dân tộc Chăm, thờ ở tháp Bà, vốn một di tích cổ của dân tộc Chăm xã Đại An gần cù lao Huân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Thay vì bức tượng nữ Thần Chăm nguyên mẫu đặt trên bệ đá hình Yoni, thể hiện dưới dạng UM³, vợ của thần Shiva (thần Hủy diệt), thì nay người Việt đã Việt hóa thành bức tượng với gương mặt, mũ mào giống một Thánh mẫu của người Việt. Ngôi tháp thờ Pô Inu Nurga, bà mẹ xứ sở của người Chăm trở thành ngôi đền thờ thánh mẫu Thiên Yana của người Việt. Quá trình này diễn ra từ thế kỷ XIII đến thế kỷ XVII, XVIII... Theo truyền thuyết Thánh Mẫu Thiên Yana đây là vị thần của dân tộc Chăm, bà được tôn vinh là vị Thần Mẹ thiêng liêng của các vị thần, kể lại rằng: *“Bà đã sinh từ mây trắng trên trời và bọt biển, là vị nữ thần mẹ nguồn gốc của mọi sự sống, tạo ra trái đất, lúa gạo, hoa Chăm pa, gỗ trầm hương, kỳ nam, đã ban phát các cơn mưa, mùa màng cho dân chúng, là vị tiên nữ dạy dân làm ruộng dệt vải, học hành nên là thần phù hộ nhiều ngành nghề nhất là phù hộ độ mạng cho nữ giới. Bà cai quản tất cả mọi nơi, bà là bà mẹ lớn của các bà mẹ xứ sở: Lau, Cau, Dừa... Bà thường cưỡi con voi trắng đi mây về gió để ban phước lành cho mọi người”*. Ở vùng biên Nam Trung Bộ nhân dân thường cho là mẹ con bà đã biến thành thần, phù hộ cho mọi người được yên ổn. Bà có tên là Thiên Yana Thánh Mẫu, Chúa Tiên, Chúa Ngọc, được tôn xưng là Bà Chúa Xứ hay còn gọi là Bà Chúa Xứ Nguyên Nhung dưới triều Nguyễn bà được phong là *“Hồng huệ Phổ tế Linh*

cảm diệu thông thượng đẳng thần, Hồng nhân phổ tế linh ứng thượng đẳng thần. Ở đình Thảng Tam còn lưu giữ 3 sắc thần vào năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) và 01 sắc thần ban vào năm Tự Đức thứ 3 (1850).

Trong *Việt điện u linh* của tác giả Lý Tế Xuyên truyện *Ứng thiên hóa dục Nguyên trung Hậu Thổ Địa kỳ nguyên*, Thánh Mẫu Thiên Yana đã hội nhập vào hệ thống thần linh Việt từ năm 1069, thế kỷ XI. Quá trình di dân, khai phá vùng đất Nam Bộ của người Việt ở các tỉnh Ngũ Quảng (Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam và Quảng Ngãi) từ thế kỷ XVI. Họ vào đây chủ yếu là những đoàn người Việt đã từng đi qua, định cư ở khu vực Trung và nam Trung Bộ. Đó là những người là quân phu đi theo các thủ lĩnh, những gia đình hào kiệt, địa chủ có tiền của, nhân lực dồi dào... vào khai thác vùng đất Nam Bộ để sinh cơ lập nghiệp... Khi vào đây người Việt từ Trung và nam Trung Bộ đã mang theo mình những truyền thống văn hóa ở nơi mình đã định cư nhiều đời, trong đó có việc thờ phụng Thánh Mẫu Thiên YANA, một tín ngưỡng dân gian hỗn dung giữa hai nền văn hóa Việt - Chăm, với vai trò, vị trí là vị thần cai quản xứ sở, phù hộ độ trì cho những cư dân đến lập nghiệp ở mỗi vùng đất. Họ là những người làm ruộng, làm nghề biển, nghề buôn bán... Yếu tố Chăm hòa nhập vào tín ngưỡng người Việt qua nhiều thế kỷ bền chặt đến nỗi khó bóc tách ra một cách rạch ròi và khi được những lưu dân mang vào lưu vực sông Đồng Nai nó vẫn giữ nguyên dạng không thay đổi. Trong các đình làng miếu thờ Thánh mẫu Thiên Yana

được phối tự, thờ phụng ở vị trí ngang bằng với các thần khác. Phong tục tôn thờ tín ngưỡng thờ Thánh Mẫu Thiên Yana ở Bà Rịa - Vũng Tàu dưới nhiều tên gọi khác nhau: Bà Chúa Xứ Sờ, Chúa Ngọc, Thánh mẫu Thiên Yana... chính là thờ Mẹ Xứ Sờ, Mẹ Đất dấu ấn của tôn giáo nguyên thủy còn đọng lại trong ký ức dân gian được tổ tiên những người đi mở đất mang theo trong hành trang văn hóa của mình. Dần dần trong đời sống cộng cư với cư dân bản địa trên những chặng đường dừng chân đã hình thành trong phong tục thờ thánh mẫu.. Thiên Yana.

Tại các ngôi đình cô Thảng Nhất, Thảng Nhì, Thảng Tam, Miếu Bà Ngũ Hành... Thủy Long thần nữ được phối thờ như một trong các đối tượng thờ chính. Trong các ngôi đình cô Thủy Long thần nữ được thờ tại bàn thờ Ngũ Đức thánh phi hay Ngũ hành Nương Nương là năm vị nữ thần biểu tượng cho năm vật chất cấu tạo nên vũ trụ, gồm (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ) tương ứng với các vị Kim đức thánh phi, Mộc đức thánh phi, Thổ đức thánh phi, Thủy đức thánh phi và Hỏa đức thánh phi. Dân gian tin tưởng rằng năm vị thần này có quyền năng với các nghề liên quan đến đất đai, cùi lừa, kim loại, nước nôi, cây gỗ. Được đông đảo quần chúng nhân dân tôn thờ vùng thành thị, nông thôn, ven biển... làm các nghề khác nhau. Thổ đức thánh phi chiếm vị trí trung ương trong điện thờ vì hành Thổ là hành trung ương điều hòa các hành kia. Xét về nguyên lý và theo quan niệm thực tiễn hành Thổ được coi là thần Đất đối tượng quan trọng thờ tự của cư dân nông nghiệp. Đối với cộng đồng cư

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

dân thương nghiệp chú trọng vào Kim đức thánh phi và ở cư dân sông nước ven biển tôn thờ Thủy đức thánh phi là đối tượng thờ chính. Hay ở một số vùng đô thị hay bị nạn hỏa hoạn đe dọa lại tôn thờ Hỏa đức thánh phi. Cũng có trường hợp Thủy đức thánh phi được thờ tự đồng nhất với Thủy Long thần Giếng, thần sông nước... Bài vị ngũ đức thánh phi được thờ trong miếu, trong đình làng hay được thờ, thể bằng tượng đắp bằng xi măng với tư thế ngồi trong các màu áo tương xứng: vàng, đỏ, xanh, trắng tím... Tại miếu Hòn Bà (Bãi Sau) thành phố Vũng Tàu Thủy Long thần nữ được thờ phượng như một vị thần trung tâm. Thủy Long Thần nữ có nhiều tên gọi khác nhau như thần Giếng, thần Sông Rạch, Thần Cù Lao, thần Hải Đảo, Thủy Long Hà Bá, Long Vương thần nữ, Mẫu Thoải, Bà Thủy Tề... có nhiệm vụ và chức năng cai quản vùng sông nước, phù hộ, độ trì cho cư dân đánh cá, bên sông hay vùng biển, giới thương hồ. Cũng có quan niệm cho rằng Thủy Long thần nữ là sự hóa thân của nữ thần Thiên Yana. Tín ngưỡng này thể hiện đậm nét ở các vùng ven biển, ven các dòng sông lớn... Nhiều nơi Thủy Long thần nữ được các triều vua thời Nguyễn phong mỹ tự là *Trứ Linh Chương Ứng Mục Uyên Hoằng Bắc Ưông Nhuận Trung Đông Thần*. Theo quan niệm dân gian của người Việt Nam Thủy Long Thần nữ có mặt ở khắp nơi để phù hộ, giúp đỡ mọi người khi vượt qua các con sông, cửa biển an toàn... Mỗi khi bước xuống đò ngang, đò dọc... để qua khúc sông lớn rộng người ta có thói quen cần khẩn cầu mong xin Thủy Long thần nữ phù hộ. Khi vùng nào hạn hán nữ thần phái

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

tướng sĩ đi lo việc làm mưa. Vùng nào gặp bão lụt nữ thần lại hóa phép để làm gió yên, mưa tạnh. Các loài thủy quái, thủy tặc, do có các thần tướng của nữ thần canh chừng nên cũng không thể tùy tiện tác oai tác quái. Trong quan niệm tâm linh tín ngưỡng dân gian truyền thống lâu đời của người Việt Thủy Long thần nữ luôn đồng nghĩa với hình ảnh bà mẹ hiền lành, yêu thương, dịu dàng, suốt đời lo lắng, phù hộ cho cộng đồng cư dân vùng ven sông, ven biển.

Đại Càn tứ vị thánh Nương Nương được thờ tại đình thờ Thần Thắng Tam, thành phố Vũng Tàu, là bốn vị nữ thần phù hộ người đi biển. Đây là vị thần có nguồn gốc thờ từ cửa Càn (nay thuộc xã Phương Càn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An). Theo sách *Ô Châu lục* của Dương Văn An viết vào thời mạc thì thần hiệu này có hai sự tích như sau: Một cho rằng Đại càn tứ vị thánh Nương Nương là Hoàng hậu và ba công chúa đời Nam Tống, Trung Hoa. Vị Hoàng hậu và 3 công chúa bị thứ phi ghen tuông tìm cách hãm hại nên bị đày vào Nghệ An và mất ở đây. Tích khác lại cho rằng Đại càn tứ vị thánh Nương Nương là Dương Thái Hậu và 3 công chúa đời Nam Tống. Lúc quân Mông Cổ tràn vào diệt nhà Nam Tống, trận cuối cùng tại Nhai Sơn (Quảng Đông, Trung Hoa, năm 1279), nhà Tống mất nước, bốn vị này nhảy xuống biển tử tiết xác tấp qua nước ta và được dân vùng Nghệ An chôn cất lập miếu thờ. Vào triều Nguyễn tại đình Thắng Tam được sắc phong với mỹ tự là *Đại càn Quốc gia Nam hải Hàm hoàng Quang đại chí Đức vị Phổ bác Hiền hóa Trang huy tứ vị đẳng thần*.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Ở Bà Rịa - Vũng Tàu còn có một số nơi miếu thờ tự của cộng đồng cư dân người Hoa: Miếu bà Ngũ Bang, miếu bà Sùng Chính... (thành phố Vũng Tàu). Công trình kiến trúc nghệ thuật miếu Bà Ngũ Bang, tọa lạc tại đường Bình Giã, phường 8, thành phố Vũng Tàu, được xây dựng năm 1968, khá hoành tráng do kinh phí đóng góp của 1.000 con người Hoa 5 bang: Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu, Hải Nam và Hẹ, nằm trong khuôn viên thoáng rộng gồm: công, hồ sen, ... Tòa kiến trúc Thiên Hậu Cung nằm quay về hướng đông, phía trước là hồ nước trong xanh, có trang trí hình “Bát tiên quá hải” (Tám vị tiên vượt biển), được xây dựng theo kiểu thức truyền thống Trung Hoa gồm hai ngôi nhà liền kề, nằm song song dạng hình chữ nhị, ở chính giữa có một khoảng trống gọi là “Thiên tỉnh” (giếng trời). Tòa nhà gồm 3 gian, hai chái, tường xây bằng gạch, mái lợp ngói âm dương tráng men màu xanh ngọc, trên nóc mái có trang trí hình lưỡng long châu nguyệt, uốn lượn sinh động, được chế tác từ gốm tráng men màu xanh. Trung tâm chánh điện thờ Thiên hậu Thánh mẫu, Long Mẫu nương nương, Kim Hoa nương nương. Theo tín ngưỡng truyền thống của người Hoa ở Bà Rịa - Vũng Tàu và khu vực Đông Nam Bộ thường hay thờ bà Thiên Hậu, được mọi người tôn vinh là vị nữ thần biển. Tương truyền bà là Lâm Tức Mặc, sinh vào ngày 23 tháng 3 năm 1104, mất ngày mùng 9 tháng 9 năm 1119, là người con thứ sáu của Lâm Nguyện, quê ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phước Kiến, Trung Hoa. Khi sống bà đã cứu sống nhân dân bị mất mùa tìm ra rong biển ăn thay gạo. Sau

khi bà qua đời vua Tống Huy Tông đã ra lệnh lập đền thờ bà tại quê hương Bồ Điền. Bà được cư dân đi biển xem như vị thần cứu khổ cứu nạn phổ độ chúng sanh như Quan Thế Âm Bồ tát. Lễ vía bà Thiên Hậu tổ chức vào ngày 23 tháng 3 lịch hằng năm.

Ngoài ra tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu còn có miếu thờ Bà Phi Yến, huyện Côn Đảo và Dinh Cô, thị trấn Long Hải, huyện Long Điền... được hình thành theo tín ngưỡng truyền thống của địa phương. An Sơn miếu còn gọi là miếu Bà Phi Yến là nơi thờ bà Phi Yến, một thứ phi của chúa Nguyễn Phúc Ánh. Miếu tọa lạc ở khu vực làng An Hải, cách trung tâm thị trấn khoảng 2, 5 km về hướng đông nam trên trục đường Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng - Hoàng Phi Yến. Đây là một công trình kiến trúc kiểu dân gian xây bằng gạch, mái lợp ngói gồm 3 gian, hai chái, có mái hiên thoáng rộng ở phía trước và cửa thiết kế hình vòm được trùng tu tôn tạo vào giữa thế kỷ XX (1958). Tương truyền vào khoảng cuối thế kỷ XVIII (1783) sau khi chúa Nguyễn Phúc Ánh bị lực lượng Tây Sơn truy đuổi nên đã chạy ra Côn Đảo, sau đó cùng 100 gia đình thuộc hạ ở lại lập nên 3 làng An Hải, An Hội và Cỏ Ống. Vì muốn thắng Tây Sơn chúa Nguyễn Ánh dự tính gửi con cả là hoàng tử Cảnh đi theo cố đạo Bá Đa Lộc sang Pháp để cầu viện thầy vậy bà Phi Yến (Lê Thị Rãm) đã có lời can ngăn. Chúa Nguyễn Ánh tức giận, nghi ngờ bà thông đồng với lực lượng Tây Sơn nên định giết bà. Nhờ các quan cận thân can ngăn kịp thời mà Phi Yến được tha tội nhưng phải chịu hình phạt đầy ải cực hình, một mình

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

bị nhốt trong hang đá trên hòn Côn Sơn nhỏ (nay là hòn Bà) và dùng các khối đá lớn bịt kín cửa hang trong đó chỉ có ít cơm nếp và một chum nước ngọt dùng trong 15 ngày. Sau đó bà được dân làng An Hải giải cứu đưa về làng Cỏ Ống, bên cạnh nấm mộ chôn cất hoàng tử Cải (người con trai mới 7 tuổi bị Nguyễn Phúc Ánh quăng xuống biển trên thuyền trốn chạy), hiện nay vẫn còn ngôi mộ và miếu thờ ở làng Cỏ Ống. Trong thời gian này bà Phi Yến sáng tác bài thơ Nôm bày tỏ nỗi niềm tâm sự day dứt khôn nguôi...

Câu chuyện gắn liền với bà Phi Yến cùng với tấm lòng kiên trung, nghĩa khí, nêu cao tinh thần yêu nước, tự cường dân tộc của người phụ nữ Việt Nam, có những lời khuyên đúng đắn ngay thẳng trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng: “Việc đánh nhau với Tây Sơn ta có thể coi như việc trong nhà, chúa công nên dùng nghĩa binh trong xứ thì hơn. Bệ hạ mà nhờ sức mạnh của người ngoài giải quyết nội bộ dù ta có thắng Tây Sơn chẳng nữa cái thắng ấy cũng chẳng vẻ vang, thiếp e còn lắm điều rắc rối tai tiếng về sau”. Những lời nói ẩn ý bên trong sự khẳng khái, quyết liệt, quả là một người xưa nay hiếm có. Đức bà Phi Yến đã nêu cao tấm gương ái quốc, sáng suốt nhận định được quốc vận hậu lai, trước cảnh búa rìu sấm sét của vị chúa độc đoán. Bà vẫn một lòng cương quyết không đồng lõa với hành động có tội với lịch sử. Ngoài ra ở Côn Đảo còn lưu truyền câu chuyện về bà như sau: Vào rằm tháng 10 năm Ất Hợi (1785) dân làng An Hải tổ chức lễ cúng Tết “thượng nguyên” đã cử đoàn người đại diện đến làng Cỏ Ống để mời và rước bà về cùng tham

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

dự. Trong đêm đó tên đồ tể Biện Thi đã lên vào phòng, mới động vào cánh tay thì bà đã thức dậy và tri hô. Ngay đêm đó nhân lúc dân làng không để ý bà đã liệu mình tự vẫn để giữ trọn danh tiết... Khi bà qua đời nhân dân làng An Hải nói riêng và Côn Đảo nói chung đã quyên góp kinh phí cùng nhau xây cất ngôi miếu nhỏ để tôn vinh, thờ phượng. Từ năm 1861 thực dân Pháp chiếm giữ Côn Đảo xây dựng hệ thống nhà tù đã di chuyển toàn bộ dân thường về đất liền vì thế ngôi miếu theo thời gian trở nên hoang tàn, đến năm 1958 mới xây dựng lại như hiện trạng hiện nay. Bên trong miếu thất đền thờ, tại gian trung tâm thờ bà Phi Yến, bên trái thờ hoàng tử Cải, bên phải thờ đô đốc Ngọc Lân, ngoài ra còn có bàn thờ Phật Bà Quan Thế Âm Bồ tát. Tại chánh điện còn có câu đối: “*Trung nghĩa gián quân thiên cổ chiếu. Tiết hạnh quyên sinh vạn đại truyền*”. (Lòng trung nghĩa dám khuyên can bậc đấng vương chiếu rọi mãi ngàn năm. Giữ tiết hạnh mà quyên sinh vạn đời còn lưu truyền). Ngoài ra còn câu đối tôn thờ bà như một vị thánh Mẫu: “*Mẫu nghi xưng hậu ám Côn Bang. Thánh đức phối thiên An Hải quốc*”. Trải qua hơn 200 năm miếu bà Hoàng Phi Yến trở thành nơi tín ngưỡng dân gian thờ Mẫu truyền thống của cư dân Côn Đảo. Bà là hiện thân của người phụ nữ Việt Nam có tinh thần yêu nước, ý thức độc lập tự lực tự cường, biết đặt lợi ích của dân tộc lên trên hết. Hiện nay hằng năm lễ hội miếu bà Phi Yến được tổ chức vào ngày 18 tháng 10 âm lịch, vào ngày 8 tháng 4 năm 2007 được Ủy ban nhân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu công nhận là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Tín ngưỡng dân gian thờ nữ thần trên địa bàn Bà Rịa - Vũng Tàu có lịch sử truyền thống khá lâu đời. Bên cạnh những nữ thần thờ tự theo phong tục của ông cha thời đi mở đất: Ngũ Đức Thánh Phi, Thủy Long thần nữ... ngoài ra còn xuất hiện các nữ thần được hình thành tại địa phương như: bà Phi Yến (Côn Đảo), cô (Dinh Cô, thị trấn Long Hải)... hoặc các nữ thần có nguồn gốc từ văn hóa Chăm (Thiên Y Ana, chúa Xứ, chúa Ngọc, chúa Động...), Trung Hoa (Đại Càn tứ vị thánh Nương Nương, Thiên Hậu Thánh Mẫu)... Các vị thần này thường gắn liền với sông nước và biển cả. Những cư dân miền biển tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tôn vinh, lập hệ thống miếu thờ tự các vị thần này, trải qua hàng trăm năm trở thành tín ngưỡng dân gian, hàng năm tổ chức lễ hội truyền thống là dịp để giao lưu giữa các cộng đồng, gửi gắm niềm tin và khát vọng về một cuộc sống bình yên, hạnh phúc và phồn thịnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Thị Hảo, Mai Thị Ngọc Chúc (1993), *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
2. Ngô Đức Thịnh (2010), *Đạo Mẫu Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
3. UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Thạch Phương, Nguyễn Trọng Minh (Chủ biên/2005), *Địa chí Bà Rịa - Vũng Tàu*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

4. Trần Ngọc Thêm (2001), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.

5. Phạm Chí Thân, Nguyễn Cẩm Thúy (2000), *Di sản Hán - Nôm trong các di tích lịch sử văn hóa Bà Rịa - Vũng Tàu*, Đề tài khoa học.

6. Viện Nghiên cứu văn hóa nghệ thuật Việt Nam, Phân viện tại TP. Hồ Chí Minh (2002), *Sổ tay hành hương uất phương Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh.

7. Lý Tế Xuyên (1972), *Việt Điện u linh*, Nxb Văn học.

8. Trịnh Hoài Đức (1971), *Gia Định thành thông chí*, Sài Gòn.

9. Nguyễn Hữu Hiếu (2004), *Mối liên quan giữa nghệ thuật đánh khai thác cá ở Đồng Tháp Mười với tục thờ Đại càn*, trong *Nam Bộ đất và người*, tập II, Nxb Trẻ.

10. Hồ Tường (chủ biên), Nguyễn Hữu Thế (2005), *Đình ở thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ.

11. Sơn Nam (2006), *Đình miếu và lễ hội dân gian miền Nam*, Nxb Trẻ.

TÌM HIỂU TRUYỀN THUYẾT VỀ TỔ BUNG ĐĨA

*ThS. Dương Hoàng Lộc**

1. Đặt vấn đề

Cho đến nay, ở Nam Bộ nói chung và Đông Nam Bộ nói riêng vẫn còn lưu truyền một số truyền thuyết về Tổ Bung Đĩa (Tổ Đĩa). Các truyền thuyết này không chỉ lan rộng trong phạm vi cộng đồng Phật giáo mà còn được dân gian nơi đây nhắc đến khá nhiều. Do vậy, việc tìm hiểu một số truyền thuyết về nhân vật này rất có ý nghĩa, góp phần vào việc nghiên cứu văn hóa dân gian vùng Đông Nam Bộ, nhất là ở Bình Dương. Ngoài ra, nội dung của truyền thuyết rất có giá trị, ý nghĩa trong lĩnh vực giảng dạy, nghiên cứu văn hóa dân gian ở vùng Đông Nam Bộ và vấn đề giáo dục trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung của một số truyền thuyết về Tổ Bung Đĩa

Trước tiên, một câu hỏi đặt ra: Tổ Bung Đĩa là ai? Tổ Bung Đĩa còn gọi là Tổ Đĩa chính là Thiền sư Đạo Trung - Thiện Hiếu. Sách *Sơ thảo Phật giáo Bình Dương* cho biết: Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu sinh năm Quý Hợi (1743). Ngài đến vùng Bung (Cầu Định) vào khoảng năm 1768 được dân

* Trường Đại học Khoa học xã hội & Nhân văn TP.HCM. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh

làng dựng am nhỏ cho Sư tá túc, thiên định. Đến năm 1794 (Giáp Dần), đạo đức của Sư được lan rộng khắp vùng, dân chúng phát tâm xin Tổ cho trùng tu lại chùa để làm nơi thờ phượng được khang trang hơn. Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu có công truyền bá chánh pháp nơi đây. Hiện nay, chưa biết rõ tên tục và nguyên quán của Sư. Chỉ biết Sư là bậc long tượng của thiên môn, là vị đã khai sơn và trùng tu của nhiều ngôi chùa: Chùa Linh Sơn trên núi Bà Đen (Tây Ninh), chùa Long Hưng (xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương), chùa Hội Hưng và chùa Hội Lâm - Bà Tang (huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh), ...⁽¹⁾ Ngài cũng từng đến hành đạo tại các chùa: Hội Khánh (Thủ Dầu Một), Long Thọ (Thủ Dầu Một), Hội Sơn (Thủ Đức) và Bửu An (Bến Gỗ - Biên Hoà). Như vậy, thiền sư Đạo Trung - Thiện Hiếu là nhà sư có đạo hạnh, gắn bó với người dân và có công trong việc truyền bá Phật giáo đến vùng đất Đông Nam Bộ trong buổi đầu khẩn hoang. Ở Bình Dương, mỗi khi nhắc đến Thiền sư Đạo Trung - Thiện Hiếu là phải nhắc đến ngôi chùa cổ Long Hưng hiện tọa lạc tại xã Tân Định, huyện Bến Cát. Đây là ngôi chùa do Sư thành lập và tu hành, viên tịch tại đây. Căn cứ theo bài kệ truyền thừa của dòng *Liễu Quán*, phái Lâm Tế cho biết Sư thuộc đời thứ tư của dòng này. Trong *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nguyễn Lang có nhắc đến chi tiết: Thiền sư Đạo Trung là đệ tử của Thiền sư Đại Cơ, thuộc đời thứ tư của môn phái Liễu Quán. Sư Đại Cơ là đệ tử của ngài

1 Thích Huệ Thông (2000), *Sơ thảo Phật giáo Bình Dương*, Nxb Mũi Cà Mau và Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương, tr 85 - 86, 87 - 88, 11.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Tế Giác và Tế Giác là đệ tử trực tiếp của Tổ Liễu Quán. Nhà sư Đạo Trung, sau 30 năm trụ trì tại Linh Sơn, giao sơn môn này cho đệ tử là Tính Thiên và về khai sơn chùa Long Hưng. Đó là vào năm 1794⁽¹⁾. Còn theo bài viết *Chùa Long Hưng - dấu ấn của Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu* trên báo *Giác Ngộ* cho biết: Sau một thời gian hành đạo ở chùa Long Hưng, Tổ Đạo Trung thâm thân thị tịch vào ngày 20 tháng 12 năm Kỷ Mùi (1800). Nhưng có lẽ Ngài không có đệ tử truyền thừa, nên sau khi viên tịch, vị kế thế trụ trì là Hoà Thượng Tiên Đề - Chơn Phẩm thuộc thế hệ thứ 37 theo dòng *Đạo Bốn Nguyên*. Qua nhiều thăng trầm của thời gian, hiện chùa này còn lưu lại bảo tháp Tổ Đạo Trung và một pho tượng của Sư bằng gỗ mít có niên đại thế kỉ XIX. Ngoài ra, để tưởng niệm ân đức của Ngài, một số chùa ở Bình Dương đã lập long vị và tháp vọng để thờ như: Chùa Long Thọ, chùa Hội Khánh. Riêng chùa Thiên Bửu (Bình Nhâm) có lập tháp vọng để thờ Tổ Đạo Trung⁽²⁾. Như vậy, tư liệu văn bản về Tổ Bưng Đĩa hiện còn chưa nhiều nên chưa có thể phác họa được rõ nét chân dung cùng với hành trạng của Sư. Tuy nhiên, trong dân gian ở Bình Dương nói riêng và Đông Nam Bộ nói chung thì còn lưu truyền một số truyền thuyết về Tổ. Thông qua đó, thế hệ sau có thể hiểu sâu sắc hơn về cuộc đời cũng như đạo hạnh của vị thiền sư này.

1 Dẫn theo: <http://langmai.org/tang-kinh-cac/vien-sach/thien-tap/viet-nam-phat-giao-su-luan/chuong-22-thien-phai-lam-te-va-phat-giao-dang-trong>

2 Nguồn: <https://giacngo.vn/PrintView.aspx>

Tại sao thiền sư Đạo Trung - Thiện Hiếu còn có tên gọi khác là Tổ Bưng Đĩa? Truyền thuyết sau đã giải thích rõ ràng:

Sự tích Tổ Bưng Đĩa

“Truyền thuyết rằng, thiền sư Đạo Trung - Thiện Hiếu là vị cao tăng thuộc thế hệ thứ 38 của thiền phái Lâm Tế. Ngài từ chùa Linh Sơn ở Thủ Đức đi hoằng hóa đạo pháp ở nhiều nơi. Ngài có công khai lập chùa Linh Sơn ở núi Điện Bà Tây Ninh. Từ đó, Bà thường hiện ra thành các cô gái đẹp trên chóc, quyến rũ nhiều vị thiền sư đến đây tu hành. Khi Tổ đến đây, như thường lệ, Bà hiện ra trên chóc nhưng được Tổ cảm hóa, nguyện quy y theo Phật pháp và sẽ không quấy phá các bậc tu hành nữa. Từ chùa Linh Sơn, Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu lần bước về vùng Thới Hòa - Bến Cát. Thấy cảnh thanh tịnh, đồng ruộng thoáng mát nên Ngài đã dừng chân tới nghỉ ở dưới gốc cây trâm ven bưng. Vùng này tuy đất đai phì nhiêu nhưng rất nhiều đĩa khiến người dân không thể trông trọt gì được, đồng ruộng bỏ hoang. Thấy có một vị thiền sư vân du đến, dân làng mến mộ lập am tranh cho Sư tá túc và cầu mong nhà sư chú nguyện đem đến sự bình an cho cuộc sống. Vì thấy đĩa quá nhiều khiến cho cuộc sống người dân khôn đốn, Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu bèn phát nguyện: “Nếu các loài đĩa đói do nghiệp chướng chưa được vãng sanh thì bây giờ sớm giác ngộ vãng sanh và nếu cần, ta nguyện hiến xác thân này cho loài đĩa ở đây và chỉ mong cho dân chúng được bình yên cày cấy”. Nói rồi, Sư

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

bền trâm mình xuống bưng. Khi Ngài ngồi dưới bưng chú nguyện thì có rất nhiều đĩa quay quanh. Bỗng nhiên có con đĩa thật to màu trắng bò thẳng lên đầu, nhưng Sư vẫn an nhiên thiên định. Lát sau, con đĩa này và tất cả các đĩa khác ngã lăn ra chết. Từ đây, vùng này không còn các loài đĩa. Dân chúng dễ dàng cày cấy, trồng trọt hơn trước, đời sống được sung túc. Vì vậy, người dân còn gọi Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu là Tổ Bưng Đĩa.”⁽¹⁾.

Truyện thuyết này không chỉ đã giải thích danh xưng Tổ Bưng Đĩa mà còn cho biết khá nhiều vấn đề về đạo hạnh, nhân cách của Sư Đạo Trung - Thiện Hiếu cũng như quá trình phát triển Phật giáo ở Đông Nam Bộ ngày trước. Thuở xưa, vùng đất Nam Bộ nói chung và Bình Dương nói riêng là nơi hoang vu, khắc nghiệt, thú dữ hoành hành, bệnh tật tràn lan. Do vậy, Phật giáo muốn gắn bó với lưu dân khẩn hoang thì bắt buộc phải nhập thế hành đạo, cùng chia sẻ những khó khăn, hoạn nạn với họ. Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu đã thấy được điều đó, nên Sư mới phát nguyện sẵn sàng xả thân phụng sự chúng sanh. Điều này đã góp phần cho thấy mối quan hệ sâu sắc, bền chặt giữa Phật giáo với người dân ở đây ngay từ buổi ban đầu khẩn hoang lập ấp. Ngoài ra, sự tích này còn cho thấy tấm lòng ngưỡng mộ, cảm mến ân đức của dân làng Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương đối với nhà sư có tấm lòng từ bi, can đảm,

1 Câu chuyện này do Thượng tọa Thích Huệ Thông - Trụ trì chùa Hội Khánh, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương kể lại.

không màng đến thân mình để hiến cho loài địa đói, chỉ mong sao cho người dân đi bớt khổ cực. Theo quan niệm của đạo Phật, hành động của Sư là noi theo gương Phật, Bồ tát mà phát đại nguyện vì lợi ích chúng sinh. Đó là Bồ tát hạnh. Ai muốn có hạnh Bồ tát thì phải thực hiện bố thí ba la mật. Trong kinh Đại Bồ tát tạng ghi: “*Vì chúng đấng vô thượng bồ đề, Bồ tát thực hành bố thí ba la mật, nên được muôn điều lợi ích đáng khen ngợi*”⁽¹⁾. Đặc biệt, trong mười điều lợi ích đó thì có: “*Nhờ bố thí máu thịt, Bồ tát được đầy đủ tất cả thân mạng bền vững, bảo hộ, nuôi dưỡng thiện căn chắc thật cho tất cả chúng sinh*”⁽²⁾. Cho nên, việc làm của Ngài có ý nghĩa gieo duyên, tạo niềm tin, lòng hướng thiện và sự mâu nhiệm của đạo Phật vào lòng người dân. Truyền thuyết cũng cho thấy, sự xuất hiện một thiền sư từ phương xa đến là một vinh dự lớn của dân làng, thông qua việc dựng am tranh cho Sư làm nơi tu hành và tin rằng Ngài sẽ mang đến sự an lành cho họ. Trong bối cảnh khàn hoang còn nhiều thách thức và trở ngại, nhu cầu tâm linh của lưu dân là rất lớn, đặc biệt rất cần sự hiện diện của các nhà sư. Tương tự, Trần Hồng Liên cho biết: “*Trong bối cảnh xã hội của buổi đầu đi khai hoang, nhà ở còn tạm bợ, cuộc sống lại đầy bất trắc, khí hậu phong thổ chưa phù hợp, bệnh tật và cái chết luôn đe dọa cư dân... Được nghe thuyết giảng về một ít giáo lý nhà Phật, được nghe tiếng kinh đọc tụng, họ cảm thấy ấm*

1, 2 Thích Nguyên Chơn (chủ biên/2009), *Thiện ác nghiệp báo chư kinh yếu tập* (tập 1), Tp.HCM, Nxb Phương Đông, tr. 668.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

áp và an tâm hơn”⁽¹⁾. Ngoài hình ảnh nhà sư Đạo Trung - Thiện Hiếu ở Bình Dương, ở vùng đất Nam Bộ, trong buổi đầu khẩn hoang với bao trắc trở, còn nhiều tấm gương của các nhà sư sẵn sàng xả thân cứu dân như: Tăng Ân và Trí Năng (Gia Định), Viên Ngộ (Cần Giuộc, Long An), Long Thiện (Châu Thành, Bến Tre), ... Như vậy, thông qua hành động của các thiền sư này cho thấy Phật giáo đã nhập thể “*hết mình*” với tinh thần đồng cam cộng khổ, giúp đỡ người dân ổn định cuộc sống ở vùng đồng bằng Nam Bộ khi xưa. Đồng thời, đây là nguyên nhân quan trọng góp phần giải thích tại sao đạo Phật lại bén rễ sâu và có ảnh hưởng lớn đến văn hóa, xã hội của người dân ở đây. Không dừng lại ở đó, Sự tích Tô Bung Địa còn phản ánh mối quan hệ giữa Phật giáo và tín ngưỡng dân gian. Ở Việt Nam, do văn hóa mang tính dung hợp, Phật giáo và các hình thức tín ngưỡng dân gian thâm nhập qua lại, nhưng Phật giáo luôn ở vị trí cao hơn tín ngưỡng dân gian và Đạo giáo. Câu chuyện Phật Bà Quan Âm hòa giải cuộc chiến ở Sông Sơn giữa các đạo sĩ của phái Nội đạo và Mẫu Liễu Hạnh, rồi sau đó còn quy y cho Mẫu Liễu đã thể hiện điều đó. Việc Tô Đạo Trung - Thiện Hiếu đã cảm hóa và quy y Linh Sơn Thánh Mẫu cũng có ý nghĩa như trên. Ngoài ra, thông qua truyện này cho biết con đường truyền đạo của sư đi từ vùng Thủ Đức lên Tây Ninh rồi xuống Bình Dương. Điều này góp phần cho việc hình dung con đường truyền bá Phật giáo ở vùng Đông Nam

1 Trần Hồng Liên (2004), *Góp phần tìm hiểu Phật giáo ở Nam Bộ*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 15.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Bộ trước đây và con đường đó không mấy dễ dàng đối với các vị thiền sư khi trước.

Cho đến nay, dân gian còn nhắc đến Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu là bậc chân tu, có đạo hạnh cao thâm, viên thành đạo quả. Điều này đã góp phần củng cố niềm tin của người dân vào Phật giáo. Truyền thuyết *Xá lợi của Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu* cho biết điều đó:

Xá lợi của Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu

“Sau một thời gian hành đạo ở chùa Long Hưng, Tổ Đạo Trung an nhiên thị tịch. Trước khi thị tịch, hàng đệ tử tôn xưng Ngài là Tổ, nhưng Ngài không đồng ý liền. Để tạo niềm tin về Phật pháp cho hậu thế, Ngài bảo với các đệ tử của mình: “Sau khi thị tịch, môn đồ sẽ thiêu xác ta, nếu còn lại bàn tay làm vật chứng thì mới được gọi là Tổ”. Qua đúng như lời Ngài nói, sau khi đồ chúng hỏa thiêu thân xác Tổ thành tro thì còn lại một bàn tay. Từ đó, Ngài được tôn xưng vào hàng tổ. Môn đồ xây tháp Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu phía sau chùa Long Hưng để tôn thờ. Vì lẽ đó cũng như công đức trong việc truyền bá Phật pháp, một số ngôi chùa mà ngài từng đến hành đạo như chùa Long Thọ, chùa Hội Khánh đều có long vị để thờ. Riêng chùa Thiên Bửu đã lập tháp vọng thờ Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu”⁽¹⁾

Trong đạo Phật, xá lợi là phần kết tinh còn lại của đức Phật, các vị đệ tử và cao tăng sau khi làm lễ trà tỳ - tức hỏa

1 Nhiều tác giả (2008), *Bình Dương danh lam cổ tự*, Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Bình Dương, tr.104.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

thieu. Phật nhập niết bàn rồi, Ngài Ma ha Ca Diếp và đại chúng rước kim quan của Phật tới giàn thiêu để làm lễ trà tỳ (jhàpeta, hỏa táng), làm lễ xong thì xá lợi (sarina) được chia làm nhiều phần cho các nước để xây tháp cúng dường. Tập tục tín ngưỡng xá lợi cũng được bắt nguồn từ đây⁽¹⁾. Việc Sư Đạo Trung - Thiện Hiếu để lại xá lợi cho môn đồ pháp quyến, làm cơ sở để các đệ tử xác nhận làm tổ sư là minh chứng quan trọng về sự thành tựu đạo hạnh của Ngài. Đồng thời, trong Sự tích Tổ Bưng Đĩa có chi tiết ngài đã vượt qua những cám dỗ của Bà Đen rồi độ luôn vị thần này quy y Phật pháp. Đạo Phật quan niệm, trong các loại cám dỗ đối với người xuất gia, cám dỗ nhan sắc của phụ nữ là khó vượt qua nhất, ai vượt được thì người đó có thể thành đạo. Luận Đại Trí độ ghi: *"Bồ tát quán sát các dục thấy tất cả đều bất tịnh, trong tất cả các tai hại thì sự tai hại từ người nữ là nguy hiểm nhất. Các thứ như: Lừa, dao, sấm sét, kẻ thù, rắn độc còn có thể tạm gằn gủi, nhưng tuyệt đối không nên gằn gủi người nữ"*⁽²⁾. Như thế, cùng với Sự tích Tổ Bưng Đĩa, truyền thuyết này tiếp tục khẳng định Đạo Trung - Thiện Hiếu là nhà sư chân chính, quyết chí tu hành và đã viên thành đạo quả. Nhưng hơn hết, sự đặc đạo của thiền sư đã làm cho hàng đệ tử, tín đồ nói riêng và người dân nói chung có lòng tin vững chắc vào Phật pháp. Do đó, họ có thể tiếp tục gắn bó, tin tưởng, đồng thời góp phần hoằng dương đạo Phật.

1 Thích Thanh Kiểm, *Lược sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2001, trang 42.

2 Thích Nguyên Chơn (chủ biên/2009), *Thiền ác nghiệp báo chư kinh yếu tập (tập 2)*, Thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Phương Đông, tr. 976.

Sâu xa hơn nữa, truyền thuyết này đã chứng minh được hai yếu tố thiêng và trần tục luôn luôn song hành với nhau trong đời sống tôn giáo. Yếu tố trần tục giúp cho tôn giáo hòa nhập nhanh vào đời sống xã hội con người, còn yếu tố thiêng với các nghi lễ cúng bái, những huyền thoại được lưu truyền, những động tác chữa bệnh, trừ tà... tạo nên một lực hút hấp dẫn đối với tín đồ, là cơ sở quan trọng để tôn giáo tồn tại và phát triển. Phật giáo cũng không ngoại lệ điều đó.

Một truyền thuyết khác đã nhắc đến Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu như một người con đại hiếu:

Người mẹ của Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu

“Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu là người con chí hiếu. Khi Ngài rời quê xuất gia tu học, mẹ ngài vì nhớ con đã lặn lội tìm đến chùa. Tổ biết đó là mẹ mình nên nhận vào chùa và cho làm công quả. Nhưng vì sợ mẹ mình biết Ngài là con, bà sẽ có thái độ xem thường tăng chúng trong lúc công quả, nên Tổ không cho biết. Trong thời gian bà ở đây, Tổ thường dặn dò tăng chúng chăm sóc cụ bà khi Ngài có Phật sự đi vắng. Mỗi tối, khi đại chúng tịnh rồi, Ngài âm thầm giặt đồ cho mẹ. Khi cụ lâm chung, Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu mới công bố trước đại chúng đây là mẹ của mình. Và khi qua đời, Tổ đứng ra lo an táng chôn cất trong khuôn viên chùa. Ngày nay, mộ cụ được chôn gần tháp của tổ phía sau Chùa Long Hưng”⁽¹⁾

1 Thích Huệ Thông (2000), *Sơ thảo Phật giáo Bình Dương*, Nxb Mũi Cà Mau và Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương, tr 85 - 86, 87 - 88, 11.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Nội dung của truyền thuyết này có nhiều điều sâu sắc và ý nghĩa. Khi mẹ mình tìm đến chùa, Thiên sư Đạo Trung - Thiện Hiếu đã là một nhà sư nổi tiếng, uyên thâm Phật pháp, được mọi người kính nể. Việc Ngài âm thầm bảo người chăm sóc cho bà khi đi xa, tự tay Sư giặt giũ quần áo mỗi tối đã thể hiện được tinh thần hiếu đạo. Theo đạo Phật, hạnh hiếu rất quan trọng và tôn giáo này cho rằng việc tín đồ chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ chính là kính thờ các bậc hiền thánh, chư Phật. Tuy nhiên, đợi đến khi cụ bà lâm chung, Ngài mới loan báo đó là mẹ mình. Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu đã làm được tinh thần đại hiếu mà nhà Phật luôn chủ trương. Là một cao tăng được nhiều người trọng vọng, khi biết mẹ mình xin tá túc trong chùa, nếu Ngài vui mừng tiếp đón sẽ làm cho bà chẳng may sanh tâm cao ngạo, ý lại, đặc biệt là coi thường tăng chúng. Đạo Phật nhấn mạnh trọng Phật thì phải kính Tăng. Để cụ trong chùa, ngày đêm công quả, một lòng hướng về Phật pháp, tôn kính Tam bảo chính là Sư đã giúp mẹ mình ngày ngày vun bồi thiện nghiệp, tạo được nhân lành, buông xả phiền não và được lợi lạc thân tâm. Khác với người tiểu hiếu đơn thuần chỉ là phụng dưỡng vật chất cho đáng sinh thành, người đại hiếu theo cách hiếu của đạo Phật chính là: *“Phật bảo các thầy sa môn: Xem người thế gian không có hiếu thảo, chỉ thế này mới gọi là hiếu: Hãy khuyên cha mẹ bỏ ác làm lành, thọ tam qui, giữ ngũ giới. Dù cha mẹ sớm mai thọ trì qui giới, chiều có chết, đối với ơn nặng cha mẹ nuôi dưỡng, bú sù vô lượng cũng gọi*

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

là *tạm đền*"⁽¹⁾. Như vậy, không chỉ cố gắng chăm lo cho mẹ mình, Ngài còn khéo léo giúp bà thực hiện nhiều công đức cho bản thân. Ở miền Bắc nước ta, dân gian đã lưu truyền *Sự tích Hòa Thượng Cua* và có mô típ giống truyền thuyết này⁽²⁾. Hòa thượng Cua chính là nhà sư Tông Diễn - Chơn Dung (1640 - 1711) - một vị cao tăng thời Hậu Lê. Như vậy, cả hai truyền thuyết cùng hướng đến việc ca ngợi, giáo dục tín đồ hành đạo theo quan điểm nhà Phật.

Qua những truyền thuyết trên, có thể khẳng định rằng ngài Đạo Trung - Thiện Hiếu là bậc danh tăng của đất Bình Dương nói riêng và Nam Bộ nói chung. Vị thiền sư này, trong cuộc đời hành đạo của mình, đã để lại cho thế hệ sau

1 Dẫn theo Thích Thanh Từ (1992), *Phật giáo với dân tộc*, Thành hội Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành, tr. 186.

2 *Sự tích Hòa Thượng Cua như sau: Ở miền Bắc nước ta có một cậu bé sống với mẹ tại một làng quê nghèo, hẻo lánh. Người mẹ tảo tần buôn bán nuôi con qua ngày. Năm chú bé mười hai tuổi, một hôm trước khi gánh hàng ra chợ, bà bảo con trai già giỏ cua để nấu canh làm cơm trưa. Khi già cua, chú bé động lòng thương và đem cả giỏ trút xuống ruộng. Trưa về, khi ăn cơm, bà không thấy món canh cua và hỏi ra nguyên do. Vừa đói vừa giận, bà vờ cây đũa bếp đánh con. Cậu bé hốt hải bỏ chạy và xa mẹ từ đó. Ba mươi năm sau, bà mẹ già nua mỗi ngày vẫn ra chợ. Bỗng nhiên, một ngày nọ, có một vị tăng trạc tuổi trung niên ghé hỏi thăm và mong muốn mang bà về chùa để nuôi dưỡng. Bà cự nhận lời về ở chùa, làm công quả hằng ngày. Ngày tháng dần qua, biết bà cự sắp qua đời, vị trụ trì - tức vị tăng trung niên đã mang bà về chùa lại bận việc phật sự ở nơi xa. Trước khi đi, Ngài dặn dò nếu bà mất thì nhờ chư tăng tẩn liệm, đừng vội mai táng mà hãy đợi Ngài về. Quả thật, bà lão mất được một hôm thì Ngài về. Đứng trước quan tài, Ngài khẩn nguyện rằng theo đúng lời Phật dạy nếu con cái tu đắc đạo thì cha mẹ sẽ được sinh thiên và đúng vậy thì xin cho quan tài bay bổng lên và vỡ làm 3 mảnh. Sự việc diễn ra đúng như lời khẩn của Ngài trước sự kinh ngạc của mọi người. Hòa thượng bèn thuật lại thân thế của mình, chẳng ai khác là cậu bé thả cua dạo nọ, còn bà lão quá cố chính là mẹ mình. (<http://daitangkinhvietnam.org/van-hoc-va-nghe-thuat/...>)*

khá nhiều những câu chuyện thú vị, thể hiện sâu sắc giáo lý nhà Phật và cùng nhiều yếu tố thiêng được pha trộn vào đó đã chứng minh sư đã viên mãn tu hành, đắc đạo. Ngài là một tấm gương tiêu biểu cùng nhiều vị thiền sư chân tu và có đạo hạnh cao thâm. Nhưng nổi bật hơn hết, đó là tấm lòng từ bi, chẳng tiếc thân mình vì một cuộc sống ấm no, tốt đẹp cho nhân dân của sư. Điều này đã góp phần chứng minh cho tinh thần nhập thế, hành đạo cứu đời - một đặc điểm của Phật giáo dân tộc⁽¹⁾.

3. Giá trị của các truyền thuyết về Tổ Bưng Đĩa

Các truyền thuyết về Tổ Bưng Đĩa, bên cạnh những nội dung chính được đề cập, còn thể hiện được một số giá trị ở phương diện lịch sử, văn hóa và giáo dục. Có lẽ vì thế mà các truyền thuyết này còn được lưu truyền qua nhiều thế hệ người dân ở vùng đất Bình Dương. Các truyền thuyết trên như một viên ngọc quý không chỉ trong kho tàng văn học Phật giáo Việt Nam mà còn có ý nghĩa cho văn học dân gian vùng Đông Nam Bộ. Ở đây, chúng tôi muốn nhắc đến một số các giá trị chính của các truyền thuyết trên như sau:

- Thứ nhất, đó là giá trị lịch sử, nhất là đối với lịch sử tỉnh Bình Dương nói chung và Bến Cát nói riêng. Văn học dân gian là một nguồn tư liệu lịch sử sống động, quý báu như Hà Văn Tấn đã đề cập: "*Nguồn sử liệu truyền miệng bao*

1 Dương Hoàng Lộc, *Tìm hiểu văn học dân gian về Phật giáo Bình Dương*, Tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển - Sở Khoa học công nghệ Thừa Thiên - Huế*, số 1 (99)/2013, trang 36.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

*gồm tất cả những thông tin về lịch sử chưa được tập hợp, còn lưu truyền tự nhiên trong dân gian, và có nhiều dị bản khác nhau. Sự tồn tại của các huyền thoại, truyền thuyết, trải qua nhiều thời kỳ được bao phủ lên một màu sắc kỳ bí, tuy nhiên tất cả đều có cốt lõi lịch sử của nó. Các nhà sử học cần phải biết tận dụng nguồn sử liệu này để nghiên cứu lịch sử¹⁾. Cho nên, truyền thuyết *Sự tích Tổ Bưng Địa* chính là một tư liệu góp phần vào việc làm sáng tỏ lịch sử vùng đất Bình Dương ngày trước. Đồng thời, điều này còn góp phần vào việc giải thích địa danh Bưng Địa nay thuộc xã Tân Định, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.*

- Thứ hai, các truyền thuyết về Tổ Bưng Địa còn góp phần vào việc nghiên cứu, tìm hiểu văn hóa dân gian vùng đất Bình Dương nói riêng và Đông Nam Bộ nói chung. Nó góp phần bổ sung vào kho tàng văn học dân gian địa phương, tạo nên tính đa dạng trong nội dung của văn học dân gian nơi đây, cho thấy mối quan hệ truyền thống, chặt chẽ giữa Phật giáo với văn hóa dân gian Việt Nam. Ngoài ra, chính các truyền thuyết này là nguồn tư liệu quý giá cho việc đi sâu nghiên cứu Phật giáo Bình Dương cũng như Phật giáo Đông Nam Bộ, nhất là lĩnh vực lịch sử và văn hóa Phật giáo. Theo chúng tôi, chính các truyền thuyết này là một lời giải về mối quan hệ khá chặt chẽ giữa Phật giáo với đời sống của người dân Bình Dương xưa cũng như nay, đặc biệt là làm sáng tỏ

1 Hà Văn Tấn, *Một số vấn đề lý luận sử học*, Hà Nội, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007, trang 142.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

nhận định: “*Phật giáo có mặt trên vùng đất Bình Dương từ thế kỷ XVII. Các thiền sư đã khai lập và phát triển Phật giáo từ những ngày đầu cùng đoàn di dân lập nghiệp. Phật giáo đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng vùng đất mới này, và đã tạo nên một sắc thái đặc thù giữa đạo Phật và dân tộc, một bản sắc văn hóa thuần túy từ văn thơ, hội họa, lễ nghi, kiến trúc, góp phần tạo nên một bức tranh phong phú tươi đẹp cho vùng đất Bình Dương hôm nay*”⁽¹⁾.

- Thứ ba, giá trị giáo dục của các truyền thuyết này là một vấn đề cần được quan tâm. Bỏ qua những yếu tố huyền bí, linh thiêng, một số truyền thuyết về Tổ Bưng Địa - Thiền sư Đạo Trung - Thiện Hiếu đã nhắc nhở thế hệ sau về những gian khổ của cha ông trên bước đường khẩn hoang lập ấp. Ngày nay, người dân Bình Dương được thừa hưởng sự trù phú chính là kết quả lao động, hi sinh máu xương của bao lớp người đi trước. Mặt khác, hành động chọn lựa sự hi sinh bản thân mình của Tổ Đạo Trung - Thiện Hiếu cho cộng đồng có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc là một nhân cách đẹp, cao thượng và quý báu. Điều này rất cần cho việc giáo dục lối sống cho thế hệ trẻ hôm nay. Chúng tôi cho rằng, giá trị đạo đức của Phật giáo có nhiều nét tương đồng với giá trị cũng như văn hóa của con người Việt Nam. Trong dòng chảy liên tục của lịch sử, các giá trị này đã hòa quyện với nhau, tô đậm hơn lối sống nghĩa tình, nhân văn và tính cộng đồng của dân tộc ta.

1 Thích Huệ Thông (2000), *Sơ thảo Phật giáo Bình Dương*, Nxb Mũi Cà Mau và Tỉnh hội Phật giáo Bình Dương, tr 85 - 86, 87 - 88, 11.

VĂN HÓA DÂN GIAN QUA TÍN NGƯỠNG NGƯỜI HOA Ở ĐỒNG NAI

*ThS. Nguyễn Thị Nguyệt**

Tín ngưỡng dân gian có vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của người Hoa ở Đồng Nai. Thông qua tín ngưỡng, những yếu tố văn hóa dân gian được cộng đồng người Hoa hình thành, bảo tồn và phát huy trong đời sống hiện đại. Những giá trị văn hóa dân gian thể hiện qua: nghi lễ, bản kinh, nghi vật, lễ vật, nghi trượng, lễ phục, trang phục... của người Hoa được thể hiện qua lễ hội, qua sinh hoạt tín ngưỡng hết sức phong phú, tiêu biểu trong văn hóa truyền thống người Hoa. Những giá trị văn hóa dân gian thể hiện đặc trưng văn hóa cổ truyền, văn hóa tộc người góp phần làm cho diện mạo văn hóa dân gian người Hoa luôn đa dạng và thích nghi trong đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng cư dân Đồng Nai.

1. Nghi lễ dân gian

Nghi lễ tại các cơ sở tín ngưỡng người Hoa ở Đồng Nai vừa mang tính chất Tam giáo (Đạo giáo, Nho giáo, Phật giáo) nhưng đồng thời còn kết hợp cả tín ngưỡng dân gian.

* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Đồng Nai.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Trong từng nghi lễ vía Thần linh hay cầu an cầu siêu, lại có sự đan xen kết hợp giữa các nghi thức tôn giáo và tín ngưỡng dân gian.

Nghi lễ dân gian do các Ban trị sự miếu thực hiện đơn giản với lời cúng đã được viết sẵn hoặc chỉ lâm râm khấn vái rồi thượng hương, vái lạy và thắp nhang nơi các bàn thờ tại các cơ sở tín ngưỡng, kết thúc là việc đốt giấy vàng bạc hoặc hỏa sớ. Nghi thức được thực hiện đối với tất cả các bàn thờ trong cơ sở tín ngưỡng. Ngoài ra, một số nghi lễ mang tính dân gian do các Ban Trị sự miếu thực hiện trong nghi thức khai lễ, vía thần, khai quang điểm nhãn chuẩn bị cho phần hội đấu giá đèn lồng. Gieo quẻ âm dương cũng là một nghi thức dân gian thường thấy trong nghi lễ người Hoa để chọn giờ tốt hành lễ. Trong lễ làm chay, lễ cầu siêu và lễ Quan Đê đều có nghi thức xin keo (gieo keo) với hai mặt sấp và ngửa tượng trưng âm dương để chọn giờ tốt hành lễ hoặc lấy ý kiến để quyết định sự việc trong nghi lễ.

Lễ Làm chay vía Tổ nghề là biểu hiện của nghi lễ Đạo giáo. Lễ nghi Đạo giáo là việc thực hiện sự triệu vời các vị Thái thượng thần của vũ trụ qua các đạo cụ, thần chú, bùa phép và các vũ điệu nghi lễ để trấn đuổi ma quỷ, trừ tà, trừ dịch bệnh và cầu xin được ân huệ từ các thần linh. Các nghi thức được thực hiện giữa các Đạo sĩ là sự đan xen, luân phiên của âm dương trong vũ trụ.

Trong nghi lễ Nho giáo, thông qua nghi thức lễ mà người ta duy trì được các quan hệ giữa cha mẹ và con cái,

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

giữa Tổ tiên, Tổ nghề và hậu duệ, giữa bạn bè với nhau đều ảnh hưởng của Nho giáo. Nghi thức quan trọng nhất là cái lễ gắn bó với gia đình, dòng họ nghề nghiệp, đó là đạo hiếu tạo nên mối quan hệ ảnh hưởng qua lại, phụ thuộc lẫn nhau giữa thế hệ già và trẻ, giữa sự sống và cái chết. Cùng với sự thờ cúng tổ tiên, người Hoa còn kết hợp lễ cúng cho các vị thần và cho những cô hồn lang thang.

Nghi lễ cúng cầu an cầu siêu, phóng sanh, cúng thí cho cô hồn là những hình thức nghi lễ có ảnh hưởng của lễ thức Phật giáo. Ông Tiêu hóa thân của Quan Thế Âm Bồ tát có khả năng cứu vớt vong linh ở chốn âm cung theo ý nghĩa Phật giáo luôn luôn được chuẩn bị dành cho nghi thức phóng hỏa. Hình tượng bàn tay Phật, tháp bánh hình Phật, hình tượng hoa sen, chữ vạn, trang phục Địa Tạng, vãn kinh tụng, múa nghi thức bắt ấn trừ tà siêu độ âm hồn... ảnh hưởng Phật giáo thể hiện trong hầu hết các nghi lễ có tính chất cầu siêu của người Hoa ở Đồng Nai.

Nghi lễ bắc cầu trong lễ Làm chay biểu biện của tín ngưỡng dân gian, thể hiện việc thờ Thiên Hậu Thánh Mẫu trong miếu Tổ Sư là lớp tín ngưỡng bổ sung, nhưng Thiên Hậu lại có vị trí quan trọng trong tâm thức dân gian của người Hoa. Thiên Hậu Thánh Mẫu là nhân thân phù hộ người đi biển vì vậy, trong lễ Chay thường có nghi thức bắc cầu thỉnh Mễ Đẩu cầu phước cũng có ý nghĩa rước Bà Thiên Hậu từ ngoài biển vào.

Nghi lễ Tả Tài Phán là sự kết hợp của tín ngưỡng dân

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

gian, với Đạo giáo và Phật giáo cầu cho thầy cúng lên chức Tài Phán Xí (Đại Phan Sư), cầu an cho người sống và cầu siêu cho vong hồn với những nghi lễ cúng Thần, Phật và Tổ tiên.

2. Bản kinh

Trong lễ hội cầu an, cầu siêu của người Hoa ở Đồng Nai, đạo sĩ sử dụng rất nhiều bài kinh của Đạo giáo. Những kinh như: Thái Ất kinh, Thái Thượng nguyên môn kinh... được các Đạo sĩ sử dụng trong các nghi cầu an trong các lễ vía tại các cơ sở tín ngưỡng. Các bài kinh của Đạo giáo nhằm *“cầu phúc, cầu tránh tai họa hoặc chấm dứt đau khổ, sám hối, cầu sống bình an, xá tội cho người chết”*⁽¹⁾

Kinh của Đạo giáo được sử dụng trong lễ thức cầu an, giải hạn cho cộng đồng trong các buổi kinh cầu an (lễ làm chay) và nghi thức tấu Thiên Long biểu (lễ Quan Đế, thị xã Long Khánh).

Các kinh Phật giáo sử dụng trong lễ cầu siêu như: Quan Âm, Địa Tạng, Kim Cang, Phổ Môn, Sám Đại bi, Liên Hoa kinh, kinh Báo ân... đều là những kinh phổ biến của Phật giáo. Những bản kinh sách tụng trong lễ là những kinh tụng được chư tăng và Phật tử xưng tụng bằng tiếng Việt tại nghĩa từ người Hoa theo lễ thức cầu siêu của truyền thống Phật giáo Việt Nam. Sự kết hợp các bản kinh Phật giáo của người Việt trong lễ cầu siêu của người Hoa.

1 Lữ Văn (2003), *Tôn giáo ở Trung Quốc - 100 câu hỏi và trả lời*, Nxb Tôn giáo, tr.134.

Trong nghi thức xô giàn, vị pháp sư thượng đàn tụng các kinh cầu siêu của Phật giáo như: kinh Vãng Sanh, kinh Địa Tạng. Pháp sư vừa tụng kinh vừa múa hai tay kiểu bắt ấn, sau đó rung chuông (như thức tỉnh các cô hồn tề tựu về dự siêu thoát), tung giấy tiền vàng bạc trong tiếng chuông, trống, chập chĩa... tấu lên rộn rã.

Những bài kinh tụng của các thầy cúng trong lễ Vu Lan tại Quan Âm miếu cũng là việc sử dụng các kinh sách của Phật giáo trong cầu siêu. Các kinh Phật giáo sử dụng trong lễ cầu an tại Thất Phủ Cổ miếu vào các ngày rằm lớn cũng là những kinh Phật như: Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm, Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh... do các ni sư chùa Giác Minh thiên tụng mục đích giải hạn, cầu an cho cộng đồng.

3. Nghi vật trong lễ hội dân gian

Cặp keo âm dương: Trong các nghi thức của các lễ vía, các thầy cúng thường dùng hai keo âm dương để gieo quẻ chọn ngày giờ, quyết định công việc và xin thần linh chấp thuận là thủ tục bắt buộc trong việc thực hiện nghi lễ của người Hoa.

Ba tháp đồ chay bàn tay Phật: làm bằng cải xanh, bánh bao chay và xôi nếp trắng. Trên đỉnh mỗi tháp có hình bàn tay Phật (làm bằng bột mì) kiểu bắt ấn, gồm đủ tay phải và tay trái. Tháp rau cải với bàn tay bắt ấn tượng trưng cho chữ “*Thiên*” (天), tháp bánh bao tượng trưng cho chữ “*Địa*” (地)

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

và tháp xôi nếp tượng trưng chữ “*dương*”(陽) trên đó viết bốn chữ Hán “*Phân y thí thực*” (分衣施食). Hình dáng các tháp đồ chay gợi liên tưởng đến những stupa (tháp Phật) trong nghi thức xô giàn cầu siêu của Phật giáo.

Mễ Đẩu (米斗): Mễ Đẩu là đấu gỗ của người Hoa (hình trụ đáy thon nhỏ, hai bên có hai gờ quai nắm) đường kính khoảng 35cm, cao khoảng 30cm được sơn đỏ, bên trong đổ khoảng 5kg gạo, bên trên là long đình (hình hộp chữ nhật cao khoảng 50 - 75cm, mái chóp kiểu tứ trụ, tạo khung 4 góc, dán giấy màu ở chóp và mặt lưng, hai bên hông dán giấy kiếng trắng, mặt trước để trống). Giữa long đình là bài vị bằng giấy dán ở trong với ba hàng chữ Hán “*Nam thần thêm phước thọ, Thiên Tào chánh chiêu Bản mệnh nguyên thân tinh quân, Bắc đẩu trú trường sinh*” (南辰添福寿, 天曹正照本命元辰星君, 北斗注长生). Mặt trước cắm cây kiếm lệnh của vị pháp sư; một cây thước mộc trên đầu treo một chiếc gương tròn nhỏ + một cây kéo + 5 tép chỉ ngũ sắc + một cành dương nhỏ. Ở giữa kiếm lệnh và cây thước là chiếc đèn dầu nhỏ tượng trưng cho sự trong sáng (chiếc đèn này rất quan trọng) và một cành lá dương lớn hơn. Đây là những “vật tế khí” của Tổ Đạo giáo dùng để yểm trừ tà.

Vào dịp vía Tổ nghề, trước cửa miếu Tổ sư treo nghi vật là một cái sàng (sàng gạo hoặc tượng trưng mắt thần nhìn thông suốt, cũng có thể tượng trưng cho nông nghiệp) bên trong cột cùm sả; một cành lá dương (trừ tà); một cái

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

kiếng (sáng trong như gương); một cây thước mộc thợ may (làm người có chuẩn mực ngay thẳng); một cây kéo nhỏ (trừ tà), 5 tép chi ngũ sắc (sự khéo léo); cành lá bưởi (tinh khiết). Tất cả đồ vật bài trí đều có ý nghĩa cầu Thiên Hậu, cầu Tổ, cầu Thánh ban phúc, trừ tà khí, xua đuổi ma quỷ, cầu an cho cộng đồng, mọi người được hưởng lộc Thánh thần, dương gian bình yên, cô hồn được siêu thoát.

Vào đêm xô giàn lễ Tả Tài Phán, người ta sắp đặt các đồ cúng lễ với nhang, đèn cây, trái cây, hoa tươi, 5 bàn tay Phật, giấy vàng bạc... được sắp sẵn giữa sân lễ. Hình nhân Sơn Đại Nhân cũng được đưa ra gần bãi giấy giống như sự chứng giám của Phật bà Quan Âm siêu độ cô hồn đưa về cõi Phật.

Lá bưởi: trong các nghi thức khai quang điểm nhãn, khai bảng và xô giàn. Người Hoa thường dùng lá bưởi có mùi thơm tượng trưng cho sự tinh khiết để tẩy uế, trừ tà trước khi cử hành các nghi lễ vía Thần hay khai lễ.

4. Lễ vật

Lễ vật cúng Thần gồm có: 5 chung rượu, 5 chung trà, 3 con heo quay lớn trên lưng cắm sẵn con dao, 1 đĩa mì xào, 1 tô cà ri chay, 1 tô canh súp chay, 1 đĩa đồ xào chay, 1 đĩa mắm chay, 1 đĩa đồ kho chay, vài xấp giấy tiền vàng mã, trái cây, bông hoa, nhang, đèn... 5 chung rượu và 5 chung trà có ý nghĩa rượu và trà được cúng 5 vị gồm: Quan Thánh Đế Quân, Châu Xương, Quan Bình, Vương Linh Quan Thiên

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

quân và Trương Tiên Đại đế là năm vị thần linh được tôn kính trong lễ vía Quan Thánh Đế quân tại chùa Ông. Bàn thờ cúng Thiên Công thì đơn giản hơn với lễ vật dâng cúng là bông, hoa, trái cây, bát nhang.

Lễ vật cúng Quan Đế gồm 6 món chay với ý nghĩa coi trọng con số 6 là con số tốt của người Hoa. Số 6 theo tiếng Hoa đọc là “lục” (nghĩa là “lộc”). Sáu món chay gồm:

+ Cà ri chay: cà rốt, khoai tây, đậu hũ chiên, hành tây
+ bánh mì.

+ Canh súp: củ năn, đậu trắng, nấm rơm, đậu hà lan
+ cơm

+ Đồ xào chay: đậu hà lan, nấm rơm, nấm mèo, đậu hũ chiên.

+ Món kho mặn: nấm mèo, đậu hũ, nấm rơm.

+ Mì xào chay: mì vàng ngâm nước, rồi trụng nước sôi cho mềm và rưới dầu cho bóng.

+ Mắm chay: đu đủ, củ cải, dưa leo...

Lễ vật cúng ở trước Kiêu Tư Đường (nghĩa từ Triều Châu) trong lễ cầu siêu gồm có: 1 con heo quay có cắm dao trên lưng, 1 con gà luộc (có đủ lòng mề), 1 đĩa mì xào, 1 tô canh cải thảo + nấm mèo + nấm rơm + hành lá, 6 chén cơm trắng, 3 chung trà, 3 chung nước, giấy vàng bạc. Lễ vật cúng Thổ địa và trước của cúng cô hồn gồm có: 1 con gà luộc, 1 con vịt quay + thịt heo luộc, 1 đĩa mì xào, 1 tô canh cải thảo,

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

3 chén cơm trắng, 1 đĩa trái cây, 3 chén trà khô, 3 chung nước, nhang. Bàn thờ cúng cô hồn còn có giấy vàng bạc...

Đàn lễ Tả Tài Phán được dựng cao giữa sân lễ trước bãi giấy vàng bạc và Sơn Đại Nhân. Trên bàn sắp đặt đầy đủ nhang, đèn cây, bông hoa tươi, trái cây, 5 bàn tay Phật, một chén nước lá bưởi (giống lễ làm chay ở chùa Bà Bửu Long). Tiếp đó pháp sư xin keo trước Sơn Đại Nhân, tụng kinh Phật, đốt sớ, thượng đàn, rung chuông, múa bắt ấn, lần lượt quăng 5 bàn tay Phật ra phía trước cúng thí.

Lễ vật cúng Tam vị (Tam Thanh) thể hiện dưới những vật cúng thanh khiết, những món chay như: hương hoa, trái cây, rượu, trà (khác với cúng thần là món mặn...).

Lễ vật bao gồm các món ăn cúng phóng đấng phóng sanh trong lễ Làm chay là 5 món chay (bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng) tượng trưng cho ngũ hành. Đây là những món chay rất đặc trưng trong lễ hội của người Họ ở Bửu Long.

5. Nghi trượng

Nghi trượng là vật trang hoàng nơi cung thất, dinh thự hay dùng khi vua quan đi đường, như tàn, cờ, quạt, binh khí... Nghi trượng là các đồ binh khí bày ra nơi thờ phượng hay trong đám rước để làm tăng thêm vẻ tôn nghiêm và oai quyền của thần thánh. Các đồ Nghi trượng này còn được gọi là đồ “Lỗ Bộ”.

5.1. Cờ lệnh, kiếm lệnh

Là nghi trượng không thể thiếu trong các dịp lễ hội. Cờ lệnh được sử dụng để thay thế cho các Thần linh được tôn vinh trong ngày lễ vía. Cờ lệnh có hai loại: loại lớn dùng trong rước xách, loại nhỏ dùng trong các nghi lễ khai kinh cầu an. Cờ lệnh thường có năm màu (xanh, đỏ, vàng, trắng, đen...) tượng trưng cho ngũ hành trong vũ trụ.

Cờ lệnh và kiếm lệnh của Đức Quảng Trạch được đặt trong khám thờ nhỏ. Khám thờ này chỉ được đưa đến khi có lễ cầu siêu tại nghĩa từ Phước Kiến (Bừu Long). Đây là những đồ tế khí rất quan trọng có ý nghĩa đại diện cho ân đức của Đức Quảng Trạch (là sự hiện diện của Đức Ông) trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa Phước Kiến ở Biên Hòa.

5.2. Đèn, lọng

Những chiếc đèn lồng rất lớn màu trắng, đỏ và lọng màu đỏ trang trí hình rồng luôn được sử dụng trong các nghi thức thỉnh bài vị chư thần và nghi thức đi phóng thủy đăng ở miếu Thiên Hậu cổ miếu. Đây là những nghi trượng tạo nên sự trang trọng và linh thiêng cho cuộc rước.

5.3. Giá biển

Giá biển ở Thiên Hậu Cổ miếu sử dụng trong cuộc rước là bát bửu và 7 cặp biển hình chữ nhật màu đỏ có cán cầm dài, mỗi cặp hai biển có nội dung chữ Hán nhũ vàng giống nhau. Lần lượt là hai cặp biển “Hồi tị” (迴 避) và

“Túc Tĩnh” (肅靜), nghĩa là tránh xa và đứng nghiêm trang, giống như tướng quân đi trước dẹp đường cho kiệu Thần đi sau; rồi đến các cặp biển “Thiên Hậu Nguyên Quân” (天后元君), “Lỗ Ban Tiên Sư” (魯班先師), “Uất Trì Tiên sư” (尉遲先師), “Ngũ Đinh Tiên Sư” (伍丁先師) và “Hiệp Thiên Thượng Đế” (協天上帝) tức Quan Thánh Đế Quân.

Những giá biển ở chùa Ông là 6 biển gỗ màu đỏ hình chữ nhật khắc chữ Hán nhũ vàng có tay cầm dài. Trên các biển có những nội dung như: Hồi Tị (迴避), Túc Tĩnh (肅靜), Thủy Nguyệt quan (水月官), Quan Thánh Đế quân (關聖帝君), Thiên Hậu Nguyên quân (天后元君), Kim Hoa Phu nhân (金花夫人). Các biển này được sử dụng trong các cuộc rước của các ngày lễ vía lớn ở miếu tạo nên sự uy nghi và long trọng trong phần hội thỉnh chư thần trong các lễ vía.

5.4. Kiệu thần, khám thờ

Kiệu thần là kiệu gỗ được trang trí lộng lẫy, chung hoa tươi, trái cây, bát nhang lớn đặt ở phía trước để thỉnh bài vị của chư thần. Bài vị (tượng trưng bằng giấy đỏ viết tên từng chư thần) cắm vào đũa về rập chày trong các ngày lễ. Kiệu được tám thanh niên khỏe mạnh mặc đồng phục khiêng. Ngoài ra còn một số người đi kế bên thay phiên khiêng kiệu. Người ta quan niệm ai được chọn khiêng kiệu là một điều may mắn và vinh dự.

Khám thờ: Trước cửa nghia từ Phước Kiến Bửu Long vào dịp đáo lễ cầu siêu bao giờ cũng có bàn thờ Quảng Trạch Tôn vương thình từ Phụng Sơn Tự về đây. Trên bàn thờ là bức Thần vị thờ Quảng Trạch Tôn vương viết trên kiếng ghi “*Quảng Trạch Tôn vương thần vị*” (廣 澤 尊 王 神 位), bên cạnh là cây kiếm lệnh và cờ lệnh của Ông. Quảng Trạch Tôn vương được xem là vị thần của người Hoa Phước Kiến Biên Hòa với ý nghĩa thần sẽ chứng giám và phù hộ cho lễ cầu siêu được diễn ra tốt đẹp.

6. Lễ phục người Hoa

Trang phục của các đạo sĩ thường là áo *bát quái Đạo bào* trang trí biểu tượng âm dương và ngũ hành bát quái màu đỏ, vàng, xanh, tay thụng trang trí những hình tròn biểu tượng âm dương, thái cực kết bằng kim sa lấp lánh “trọng trung cho sức mạnh quyền năng vũ trụ”. Đầu đội mũ màu đen đỉnh xếp bằng hình lục giác màu đen. Riêng đạo sĩ chủ tế trong lễ chay “*đội chiếc mũ miện có gắn hình ngọn lửa bằng vàng trên chóp mũ, cho thấy rằng ông ta được soi sáng bên trong bởi cái Đạo vĩnh hằng*”⁽¹⁾.

Vào lễ cúng thí, xô giàn đêm kết thúc lễ, pháp sư chủ trì cũng với trang phục Bách gia Đạo bào giống Địa tạng Bồ tát, hoặc các lễ vật cúng tại các bàn hương án đều mang đậm tính chất của Phật giáo. Lễ phục của Đạo trưởng chánh tế

1 Theodore M. Ludwig (2000), Dương Ngọc Dũng, Hà Hữu Nga, Nguyễn Chí Hoan dịch, *Những con đường tâm linh phương Đông (Phần II - Các tôn giáo Trung Hoa và Nhật Bản)*, Nxb Văn hóa Thông tin, tr. 187.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

như một pháp sư trong nghi thức đi phóng đăng, phóng sanh cầu siêu cho cô hồn giống trang phục của Địa tạng Vương bồ tát (một chư Phật trong Phật giáo).

Lễ phục của các thầy cúng miếu Quân Âm là những bộ áo choàng dài khoác bên ngoài, đầu đội mũ. Hai thân áo được trang trí những hình tròn biểu tượng âm dương của Đạo giáo. Màu sắc của áo gồm: đỏ, xanh, vàng...

Ngoài lễ phục theo Đạo giáo, trong các nghi thức cầu siêu hay trấn uế cô hồn, thì các thầy cúng hay đạo sĩ còn mặc y sa của Thánh Sư Đường Tăng với áo cà sa, đắp y đỏ, viền vàng, đội mũ tỳ lu có hai tua dài thả ở phía trước. Lễ phục y sa của Đường Tăng ảnh hưởng phạm phục của Phật giáo được thầy cúng người Hoa đưa vào trong các lễ vía tại các cơ sở tín ngưỡng dân gian.

7. Trang phục dự lễ hội

Trang phục của các thành viên trong Ban quản trị Thiên Hậu cổ miếu của người Họ đại diện cho cộng đồng mặc áo dài vải màu xanh lam, đội nón bánh tiêu có lưỡi trai (tượng trưng cho mũ áo mũ cân đai ngày xưa) cung kính đứng phía sau chủ lễ. Riêng người được chọn ôm “kim bảng” đại diện cho sự phúc và may mắn trong lễ hội, mặc áo dài gấm, đầu đội mũ, đeo một băng vải đỏ chéo qua ngực, tay bưng chiếc khay “*như ý cát tường*” đựng kim bảng phục vụ từ lúc khai lễ cho đến kết lễ.

Giáo dục và truyền thống với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Lễ vía tại Thất Phủ Cô miếu, nguyên là hội quán của bốn bang người Hoa ở Đồng Nai, vì vậy vào dịp này bốn bang người Hoa tụ tập về đây với trang phục của mỗi bang cũng được may sắm theo qui định. Trang phục của nam giới theo truyền thống Trung Hoa là áo cổ đứng, xẻ giữa và nút thắt, hai vạt trước có hai túi lớn. Mỗi bang mặc một màu áo ngấn theo qui định: màu vàng nhạt (bang Phúc Kiến), màu đen (bang Triều Châu), màu xanh biển (bang Quảng Đông) và màu lam (bang Họ).

Đối với những nghi thức quan trọng có liên quan đến tín ngưỡng cộng đồng, người chủ trì mặc áo dài gấm màu xanh, đầu đội nón quả bí cùng màu. Trang phục có phần gần gũi với trang phục của nhà Thanh (Trung Hoa) nhưng đã được cải biến gần giống như áo dài thụng khăn đóng của người Việt.

Những năm gần đây, vào những lễ vía thần tại Thất Phủ Cô miếu, nữ giới Hoa mặc áo dài sườn xám truyền thống bằng gấm hoa màu đỏ hoặc vàng. Những cô gái người Hoa trông xinh xắn, lộng lẫy hơn trong các bộ áo dài sườn xám rực rỡ vui tươi phục vụ chào đón khách trong ngày lễ hội. Áo dài sườn xám dài ôm lấy thân hoặc áo xắm ngấn mặc với váy xòe rộng làm tăng thêm nữ tính và đặc trưng cho trang phục truyền thống của người Hoa trong ngày lễ hội.

Trên đây là những biểu hiện của văn hóa dân gian và còn nhiều nội dung khác có liên quan đến nó như: nghệ thuật biểu diễn, diễn xướng, vũ điệu nghi lễ, văn cúng, câu

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

đôi, thành ngữ, các tập tục tín ngưỡng... Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ đề cập đến một số biểu hiện của nó.

Có thể nói, thông qua tín ngưỡng mà nhiều hình thức văn hóa dân gian trong cộng đồng người Hoa được bảo tồn. Những biểu hiện văn hóa dân gian được hình thành, duy trì, bảo tồn và phát huy qua tín ngưỡng dân gian, tồn tại trong cộng đồng. Những sản phẩm văn hóa dân gian chính là đặc trưng văn hóa truyền thống của người Hoa Đồng Nai, đồng thời giao lưu tiếp biến văn hóa với người Việt và các dân tộc ở địa phương.

Những giá trị văn hóa dân gian qua tín ngưỡng dân gian người Hoa ở Đồng Nai được chính cộng đồng người Hoa bảo tồn ngay trong sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng mình. Những giá trị văn hóa ấy là những kết tinh của truyền thống văn hóa dân tộc được hình thành và tích lũy thông qua đời sống xã hội. Thông qua những sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, các giá trị văn hóa ấy được giới thiệu, phổ biến rộng rãi bằng việc quảng bá những lễ hội, những sinh hoạt tín ngưỡng tại các cơ sở tín ngưỡng dân gian.

Mặt khác, chính tự thân những giá trị văn hóa ấy đã là những nhân tố tích cực trong việc phổ biến, tuyên truyền đến các cộng đồng dân tộc sống cộng cư ở địa phương. Đây là những tài sản văn hóa tinh thần vô cùng quý báu cần luôn được trân trọng, giữ gìn và phát huy trong đời sống văn hóa của người Hoa trong cộng đồng các dân tộc ở địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Nguyệt (2012), *Sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Đồng Nai*, Bản thảo công trình hỗ trợ của Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
2. Theodore M. Ludwig (2000), Dương Ngọc Dũng, Hà Hữu Nga, Nguyễn Chí Hoan dịch, *Những con đường tâm linh phương Đông (Phần II - Các tôn giáo Trung Hoa và Nhật Bản)*, Nxb. Văn hóa Thông tin.
3. Lữ Vân (2003), *Tôn giáo ở Trung Quốc - 100 câu hỏi và trả lời*, Nxb. Tôn giáo.

TIẾP BIẾN, GIAO THOA VĂN HÓA VIỆT - HOA QUA ĐỐI TƯỢNG THỜ Ở ĐỒNG NAI

ThS. Phan Đình Dũng^()*

Trong quá trình công cư trên vùng đất mới, nhóm cư dân Việt - Hoa đã để lại những dấu ấn của mình. Trong đó, những nét văn hóa của người Hoa, người Việt từ vùng quê gốc có điều kiện phát triển trên vùng đất mới. Cộng đồng người Hoa và người Việt đã xây dựng những cơ sở tín ngưỡng để đáp ứng nhu cầu tinh thần của mình. Những cơ sở tín ngưỡng đó đồng thời cũng là những công trình kiến trúc nghệ thuật khá độc đáo. Từ đối tượng thờ đến những hệ thống trang trí mang những giá trị nghệ thuật độc đáo và phản ánh sự tiếp biến văn hóa lẫn nhau của văn hóa Việt - Hoa.

1. Tiến trình nhập cư của người Việt, Hoa đến vùng đất Đồng Nai

Biên Hòa - Đồng Nai là đất Trấn Biên xưa, địa đầu xứ Nam Bộ buổi đầu khai khẩn cách đây hàng nhiều thế kỷ. Ban đầu, vùng đất Đồng Nai xưa chỉ có các dân tộc được xem là bản địa như Mạ, Chơ Ro, Kơ Ho, X'tiêng, Khmer.

^{*} Trường Đại học Văn hóa Tp.Hồ Chí Minh

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Người Việt đến đất Đồng Nai khá sớm. Vùng Biên Hoà - Đồng Nai đất rộng, người thưa từ thế kỷ XVI đã trở thành “điểm đến lý tưởng” cho cộng đồng các cư dân từ các vùng miền khác; đặc biệt, đối với những lưu dân Việt từ miền Ngũ Quảng. Sau này, khi chúa Nguyễn thiết lập sự quản lý chính thức vào mùa xuân năm Mậu Dần (1698), người Việt càng đến vùng đất này ngày càng đông đảo hơn, tập trung hơn, “vật lực” mạnh hơn và nhanh chóng biến vùng đất này trở thành vựa lúa danh tiếng. Những thế hệ người Việt đã đóng một vai trò quan trọng trong diễn trình lịch sử phát triển của Biên Hoà - Đồng Nai.

Một bộ phận người Hoa cũng đến Đồng Nai từ khá sớm, bắt đầu vào thế kỷ thứ XVII. Sự có mặt của nhóm cộng đồng người Hoa được sử sách với sự kiện năm 1679 khi nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên được chúa Nguyễn cho đến Biên Hòa định cư. Bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII cho đến những giai đoạn về sau, số lượng người Hoa đến vùng Nam Bộ nói chung, Đồng Nai nói riêng ngày càng tăng qua nhiều đợt di dân khi các vùng người Hoa sinh sống biến động về xã hội.

Hiện nay, có thể nói Đồng Nai là một “vùng đất đa dân tộc”. Sự cộng cư của nhiều thành phần dân tộc có nhiều nguyên do và tác động của các biến cố lịch sử đã làm cho sắc thái văn hóa của vùng đất này thêm đa dạng.

2. Tiếp biến, giao thoa văn hóa Việt, Hoa qua đối tượng thờ

Cùng với cư dân tại chỗ, những lớp cư dân đến sau cùng thực hiện cuộc mưu sinh nơi vùng đất Đồng Nai. Trong quá trình khẩn hoang, lập nghiệp trên vùng đất mới, cộng đồng người Việt, người Hoa từng bước khẳng định sự tồn tại của cộng đồng bằng việc ra sức xây dựng cuộc sống ổn định. Trong đời sống tinh thần, cộng đồng Việt, Hoa hình thành những cơ sở tín ngưỡng sinh hoạt cộng đồng để gắn kết cộng đồng, thỏa mãn nhu cầu tâm linh. Từ lúc ban đầu, những cơ sở tín ngưỡng như đình, chùa, miếu, đền... được dựng lên với quy mô nhỏ, bằng những vật liệu vốn sẵn có tại chỗ như tre, lá, cây gỗ. Về sau, trong quá trình phát triển, những cơ sở tín ngưỡng được nâng cấp lên cả quy mô lẫn hình thức do sự lớn mạnh của chính cộng đồng dân cư.

2.1. Đối tượng thờ có nguồn gốc Trung Hoa trong miếu

Miếu là một loại hình cơ sở tín ngưỡng dân gian có từ rất sớm. Một dạng miếu thờ gắn liền với đình làng và dạng miếu thờ độc lập gắn với những vườn nhà, xóm ấp, khu dân cư. Đối tượng thờ cúng ở miếu khá đa dạng với tập hợp nhiều thần hiệu chính danh nhưng cũng có những thần hiệu mang ý niệm chung. Trong hệ thống miếu chủ yếu thờ các nữ thần. Các nữ thần thờ ở miếu được xác định gồm: Ngũ Hành nương nương, Chúa Xứ, Thiên Hậu thánh mẫu, Tiên Cơ nương nương, Quan Âm, Linh Sơn thánh mẫu, Thủy

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

Long... Trong số nữ thần trên, chúng ta thấy có những nữ thần có nguồn gốc từ Trung Quốc hay các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa.

- Về nhân vật Thiên Hậu, có thể tóm lược như sau: Nguyên ủy bà là người con gái họ Lâm, tên Lâm Mặc, sống vào đời Tống, ở huyện Bồ Điền, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Tương truyền, bà là một người thông minh, có hiếu và thương người. Bà tu luyện thành thần tiên tại thế và hay giúp đỡ mọi người. Năm 987, bà mất, thọ 28 tuổi. Sau khi chết, bà hiển linh, báo ứng cứu người, đặc biệt với cư dân đi biển. Người Hoa tôn thờ bà lên bậc Thánh Mẫu. Cộng đồng người Hoa đến Việt Nam bằng đường biển quan niệm chính bà Thiên Hậu đã độ trì, giúp họ vượt qua bao cơn giông bão, tai ương trên chuyến hành trình vượt biển tìm đến Việt Nam sinh sống. Vì vậy, khi đến vùng đất mới sinh sống, cộng đồng người Hoa không quên lập miếu thờ bà. Tượng thờ Thiên Hậu thánh mẫu trong các cơ sở tín ngưỡng người Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai thường ở tư thế tọa trên ngai, khoác những bộ xiêm y đủ màu sắc lộng lẫy, đầu đội mũ vàng, trang trí hình đuôi công, đính kim tuyến.

- Về nhân vật Quan Âm, là “vị thần linh nhìn xuống” chúng sinh với lòng từ bi, là một trong những vị Bồ Tát quen thuộc của Phật giáo, tông phái Đại thừa. Ngài là vị Bồ Tát tùy tùng của Phật A Di Đà ở thế giới cực lạc Tây phương, được mọi người tôn kính như là biểu hiện của sự từ bi, nhẫn nhục, cứu độ con người. Đối với cộng đồng người Hoa, vị

Quan Âm đã được dân gian hóa thành vị nữ thần phù hộ cho những ai cầu khẩn hay nghe tiếng kêu của chúng sanh. Tượng thờ Quan Âm trong các cơ sở tín ngưỡng người Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai thường ở tư thế tọa trên đài sen, đầu đội mào, toàn thân phủ áo trắng, thêu nhiều kim tuyến.

Riêng nhân vật Tiên Cơ nương nương là một trường hợp cá biệt được thờ trong miếu mà dân gian gọi là Bà Thánh. Người Hoa tại địa phương cho rằng, đối tượng thờ cúng chính trong miếu là một phụ nữ người Họ, từ Trung Hoa qua sinh sống tại Biên Hòa từ thế kỷ 18. Bà là một phụ nữ bình thường nhưng sau khi qua đời rất hiển linh. Trong làng có bệnh dịch, nhiều người đến mộ của bà cầu khẩn và lấy gỗ từ vách hòm về làm thuốc, chữa được bệnh. Tin vào sự giúp đỡ thần bí của Bà nên dân chúng đã lấp lại phần mộ chính trang và xây miếu thờ.

2.2. Đối tượng thờ có nguồn gốc Trung Hoa trong đình

Đình làng là một dấu ấn xác định sự hình thành của cộng đồng người Việt, người Hoa buổi ban đầu đến tạo dựng cuộc sống ở Đồng Nai. Trải qua bao thay đổi về địa lý hành chánh hay tác động của xã hội thì ngôi đình vẫn tồn tại. Sự hình thành và tồn tại của đình qua nhiều thời kỳ lịch sử minh chứng cho sức sống mãnh liệt không chỉ về mặt tâm linh mà còn gắn kết đời sống xã hội của các cộng đồng di dân. Đối tượng thờ trong các đình rất phong phú. Đó là tập hợp những thần linh mà dân làng tôn thờ và thể hiện bài trí trong đình.

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đồng Nam Bộ

Đối tượng thờ chính trong đình là Thần Thành hoàng bốn cảnh. Có ý kiến cho “*Thành hoàng là khái niệm Hán - Việt, Chế độ Thành hoàng thuộc tín ngưỡng của người Trung Quốc. Người nông dân Việt Nam mượn cái tên nhưng nội dung hoàn toàn khác. Đó chỉ là lấy áo chữ nghĩa để trùm lên tín ngưỡng bản địa của mình*”. Theo quan niệm của dân làng, vị thần làng được thờ là phúc thần, công chính, hiển linh.

Sau này, có những chuyển biến, một số nhân vật lịch sử được tôn làm Thành hoàng của làng xã có danh tính cụ thể, vốn là những bậc có công với vùng đất Đồng Nai như: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên, Nguyễn Tri Phương, Trương Công Định, Đoàn Văn Cự... Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên được nhà Nguyễn sắc phong Thượng đẳng thần.

Trong số nhân thần này, nhân vật Trần Thượng Xuyên có nguồn gốc từ Trung Quốc. Trần Thượng Xuyên tự Trần Thắng Tài, sinh vào năm nào không rõ và mất khoảng năm 1720, người tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), nguyên là Tổng lãnh binh ba châu Cao - Lô - Liêm dưới triều Minh. Năm 1679, sau khi phát cờ “bài Mãn phục Minh” thất bại, ông đem hơn 3.000 quân thân tín cùng gia quyến trên 50 thuyền đến Đại Việt xin thuận phục. Chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687) chấp thuận cho vào khai khẩn xứ Đồng Nai. Ông là người có công xây dựng Nông Nại đại phố (còn gọi là Cù lao Phố) trở thành thương cảng phồn thịnh, là trung tâm

thương mại và giao dịch quốc tế vào bậc nhất phương Nam lúc bấy giờ. Về hoạt động quân sự, Trần Thượng Xuyên là một dũng tướng thao lược của chúa Nguyễn, nhiều lần cầm binh giữ an bờ cõi, mở rộng biên cương nước Việt. Người Biên Hòa ghi nhớ công lao của ông nên đã tôn thờ tại đình Tân Lân.

Tùy theo đình mà đối tượng phổ thờ khá đa dạng. Đối tượng phối thờ có những thần linh chỉ mang tính ý niệm nhưng cũng có thần linh được nêu danh tánh cụ thể: Tả ban, Hữu ban chi thần, Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên bối, Hậu bối, Hương chức có công của làng xã, Nữ Oa, Bạch Mã thái giám, Thổ địa, Lịch đại đế vương, Thần Hồ, Thần Nông, Chiến sĩ trận vong, Hà bá... Trong số đối tượng từng tự này, có thể nhận thấy một số có nguồn gốc từ các cư dân phía Nam sông Dương Tử (Trung Quốc ngày nay).

Đối tượng Nữ Oa thánh mẫu, Thần Nông được thờ trong chánh điện đình Bình Thiên (Biên Hòa). Nữ Oa có gốc tích là một nữ thần trong thần thoại của Trung Quốc. Đây là người có công đội đá vá trời giữ cuộc sống con người an bình. Thần Nông cũng gốc tích từ thời cổ xưa, bày vẽ cho con người biết cách làm ăn, sinh sống. Trong một chừng mực nào đó, có thể hiểu việc từng tự Nữ Oa thánh mẫu, Thần Nông bên thần Thành Hoàng làm tăng thêm quyền uy, quyền lực, hiển linh thần Thành Hoàng của đình Bình Thiên khi có sự trợ giúp của hai vị thần linh thượng giới này. Ngoài ra, một số đình ở Biên Hòa có bàn thờ, trang thờ các

Giáo dục và truyền thông với văn hóa dân gian Đông Nam Bộ

vị tiên bồi, Hậu bồi ở hậu điện, đặc biệt thờ những người có nguồn gốc từ Trung Hoa. Đình Tân Lâm có bàn thờ Tiên thứ Trung Hoa và Tiên thứ Việt Nam. Đình Long Qưới có thờ Tiên thứ Việt Nam và Hậu thứ Trung Hoa. Điều này có thể hiểu như một dấu chỉ của nhóm cư dân Việt gốc Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai.

Trong văn tế ở một số đình của Biên Hòa như sau: *Tả ban liệt vị chư thần, Hữu ban liệt vị chư thần, Dương kim Hoàng đế, Ngọc Hoàng Thượng đế, Cửu Thiên huyền nữ, Bắc Đẩu cứu trùng tinh quân, Nam Tào lục ty tinh quân, Thập phương Tam thế nhất thiết chư phật, Tam Thanh Pháp đạo chư Thánh sư, Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương (Khổng Tử), Tứ phối kế Thánh và Thất thập nhị thần (các đệ tử của Khổng Tử), Hiệp Thiên Đại đế (Quan Công), Chúa Tiên nương nương, Thiên cung Thánh mẫu lục bộ Tiên thiên, Thiên Y Dược Vương thánh nương, Thiên Hậu nương nương, Long Vương thánh chúng, Ngũ Phương, Ngũ Đế, Ngũ Thần, Ngũ Tướng, Ngũ Phương ngũ nhạc sơn thần, Thập nhị hành binh, Thập nhị Hành khiển, Lỗ Ban tiên sư, Sĩ Nông Công Mãi tiên sư, Ngũ Hành thánh nương, Tiên Nông thánh hiền (Thần Nông), Lưu Huê Quang tổ sư, Thập Nhị công nghệ tổ sư, Đông Túc tư mang, Thập nhị công nghệ tổ sư, Phước Đức chánh thần, Bạch Mã Thái giám, Thổ thần Thổ chủ Thổ địa Thổ công long thần, Sơn Lâm tương quân, Hà Bá thủy quan, Cổ Kim nghĩa sĩ, Tiên tri Tiên giác, Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ, Thập loại*